

CHỦ QUYỀN QUỐC GIA VIỆT NAM TRÊN VÙNG BIỂN ĐÔNG VÀ HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA - TRƯỜNG SA

Đinh Kim Phúc*

Chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là điều thiêng liêng của mỗi dân tộc. Biên giới của mỗi quốc gia là biểu hiện của nền độc lập dân tộc bất khả xâm phạm của quốc gia đó. Quốc gia bao hàm trong nó 3 vấn đề lớn: dân tộc, chủ quyền và lãnh thổ. Biên giới luôn luôn gắn liền với lãnh thổ nên luật pháp và tập quán quốc tế thừa nhận tính bất khả xâm phạm của biên giới quốc gia. Biên giới được định nghĩa theo khía cạnh chủ quyền là “cái khung” của chủ quyền. Do đó, việc bảo vệ biên giới cũng chính là bảo vệ chủ quyền lãnh thổ chống lại mọi hình thức ngoại xâm.

Trước khi bị các nước ngoài xâm phạm chủ quyền Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (tức đầu thế kỷ XX trở về thế kỷ XVII), theo pháp lý quốc tế theo kiểu phương Tây lúc bấy giờ, sự xác lập chủ quyền Việt Nam một cách thật sự, liên tục, hòa bình là cơ sở pháp lý quốc tế đương thời. Đến khi chủ quyền của Việt Nam bị xâm phạm, vào thời điểm 1909, pháp lý quốc tế có giá trị phổ biến là Tuyên bố của Viện Pháp luật Quốc tế Lausanne năm 1888.

Sau đó Hiến chương Liên Hiệp Quốc và Luật biển 1982 cũng là cơ sở pháp lý quốc tế mà các thành viên ký kết bao gồm các nước đang vi phạm chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei đều phải tôn trọng.

Việc Trung Quốc tuyên bố chủ quyền 75% diện tích ở biển Đông trong nhiều thập niên trước đây cũng như Trung Quốc đã có một loạt hành vi gây hấn có tính toán đối với Việt Nam, thực hiện bằng vũ lực kết hợp với mưu mẹo và theo một quá trình kéo dài nhiều thập niên. Cuối năm 2007, khi đơn phương quyết định đặt hai đảo Hoàng Sa và Trường Sa trực thuộc hệ thống hành chính của mình, Trung Quốc đã đi xa hơn cuộc tranh chấp trên biển vì đã có hành động xâm lăng Việt Nam. Vấn đề Hoàng Sa-Trường Sa không còn là một vụ lấn chiếm hải đảo riêng lẻ nữa mà là một hành động xâm chiếm vùng biển, xâm phạm toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, bất chấp Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Tính tự phát của những hành động phản đối Trung Quốc của thanh niên, sinh viên Việt Nam vào cuối năm 2007 đã đặt chính phủ ta vào một tình huống khó xử. Những cuộc biểu tình đã làm giảm cơ hội ứng biến của nhà nước ta trong quan hệ với Trung Quốc. Sự thật là đàm phán cần có những thỏa hiệp. Những cuộc biểu tình sẽ làm ảnh hưởng xấu đến chiến lược cân bằng mà Việt Nam đang theo đuổi trong mối quan hệ với các cường quốc trên thế giới.

* Thạc sĩ Sử học, Thường trực Ban biên tập Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính vì vậy, khi giải quyết bất kỳ vấn đề gì liên quan đến biên giới và lãnh thổ chúng ta phải biết kết hợp các hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp đối với từng vụ việc phát sinh trên nguyên tắc tôn trọng luật pháp quốc tế, bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, giữ gìn quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, góp phần giữ gìn hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Mục đích của bài nghiên cứu này không nằm ngoài những nguyên tắc trên.

*

* *

Trên trang web của Đài phát thanh quốc tế Trung Quốc ngày 17/3/2009 với bài: *“Cội nguồn của vấn đề biển Nam và lập trường nguyên tắc của Trung Quốc”* đã viết:

“Trên vấn đề biển Nam, Trung Quốc xưa nay đều có chủ quyền không thể tranh cãi, đồng thời chủ trương giải quyết sự tranh chấp quốc tế qua đàm phán hòa bình.

Trung Quốc là nước phát hiện và đặt tên sớm nhất cho quần đảo Nam Sa [quần đảo Trường Sa, chú thích của tác giả], đồng thời cũng là nước thực thi chủ quyền sớm nhất và bền vững nhất đối với quần đảo Nam Sa. Việc này đã được chứng minh bằng lịch sử và căn cứ pháp lý đầy đủ, nhận được sự công nhận lâu dài của cộng đồng quốc tế. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật Bản đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc, chiếm đóng phần lớn khu vực của Trung Quốc, trong đó kể cả quần đảo Nam Sa. *Tuyên bố Cairo* và *Thông cáo Potsdam* cùng các văn kiện quốc tế khác đã quy định rõ việc trao trả lại lãnh thổ cho Trung Quốc từng bị Nhật cướp đoạt năm xưa, dĩ nhiên trong đó kể cả quần đảo Nam Sa. Tháng 12 năm 1956, chính phủ Trung Quốc lúc bấy giờ đã chỉ định quan chức cấp cao tiếp quản quần đảo Nam Sa, đồng thời đã tổ chức lễ bàn giao trên đảo, cắm mốc kỷ niệm và cử quân đội đến đóng tại quần đảo Nam Sa. Năm 1952, chính phủ Nhật Bản chính thức bày tỏ “từ bỏ tất cả mọi quyền lợi, danh nghĩa và yêu sách về quyền lợi đối với Đài Loan, các hòn đảo Bành Hồ và quần đảo Nam Sa”, từ đó quần đảo Nam Sa đã chính thức trở về với Trung Quốc...”

Sự thật lịch sử như thế nào? Có đúng như những gì Trung Quốc công bố hay không? Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt trao đổi hai vấn đề chính của đoạn văn vừa trích dẫn.

A. *“Trung Quốc là nước phát hiện và đặt tên sớm nhất cho quần đảo Nam Sa [quần đảo Trường Sa], đồng thời cũng là nước thực thi chủ quyền sớm nhất và bền vững nhất đối với quần đảo Nam Sa. Việc này đã được chứng minh bằng lịch sử và căn cứ pháp lý đầy đủ, nhận được sự công nhận lâu dài của cộng đồng quốc tế” được hiểu như thế nào?*

Thứ nhất, về tên gọi chỉ khu vực biển Đông ở Đông Nam Á giữa các nước lại không thống nhất. Việt Nam gọi là biển Đông, Trung Quốc gọi là Nam Hải (南海) và tên gọi quốc tế lại là biển Nam Trung Hoa (South China Sea). Những cách gọi này dễ gây ra ngộ nhận về vấn đề chủ quyền quốc gia ở biển Đông.

Chính vì vậy để góp phần tìm hiểu những vấn đề trên biển Đông cũng như những vấn đề liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu bằng việc khảo sát tên gọi khu vực biển này trên các tài liệu mà chúng tôi có được.

Qua khảo sát, tổng cộng 20.713 bản đồ, trong đó:

- 11.900 bản đồ có liên quan đến Trung Quốc.
- 7.640 bản đồ có liên quan đến Việt Nam.
- 738 bản đồ có liên quan đến khu vực Đông Nam Á.
- 117 bản đồ có liên quan đến biển Đông.
- 318 bản đồ có liên quan đến cuộc chiến tranh thế giới thứ hai trên Thái Bình Dương (1941-1945).

Chúng tôi thấy rằng, bản đồ sớm nhất có chú thích vùng biển Đông của khu vực Đông Nam Á là bản đồ miêu tả khu vực đảo Hải Nam của Trung Quốc vào đời nhà Đường (618-907) của Đại học California được ghi là biển Giao Chỉ (Chiao-chih Ocean).

Bằng việc khảo sát 20.713 bản đồ nói trên, chúng tôi thấy rằng bản đồ liên quan đến Trung Quốc, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam sớm nhất là bản đồ được xuất bản từ năm 1575 cho đến bản đồ được xuất bản trước năm 1814, khu vực biển Đông không được một tác giả nào ghi chú cả.

Tên gọi biển Trung Hoa và biển Nam Trung Hoa trong các bản đồ thời kỳ chiến tranh Thái Bình Dương đã được sử dụng không nhất quán trong Bộ Tư lệnh quân đội Đồng minh ở Đông Nam Á.

Trong tất cả các bản đồ của Trung Quốc công bố, chúng tôi thấy rằng Trung Quốc đã thống nhất sử dụng tên gọi Nam Hải để ghi chú khu vực biển Đông.

Như vậy, cho đến nay chúng ta thấy rằng để gọi tên khu vực biển Đông ở Đông Nam Á có nhiều cách gọi khác nhau:

- Việt Nam gọi là biển Đông.
- Trung Quốc gọi là Nam Hải.
- Các tổ chức quốc tế gọi là South China Sea.

Như chúng ta đã biết bờ biển của Việt Nam dài khoảng 3.260 cây số từ biên giới Việt-Trung cho tới vịnh Thái Lan. Phía đông Việt Nam là biển nên đã có danh xưng thông thường là biển Đông, lưu hành rộng rãi trong dân gian; một chứng cứ trong nhiều chứng cứ khác là danh xưng “biển Đông” đã được chuyển ngữ ra tiếng Pháp là *L'Océan Oriental* trong cuốn du ký của tác giả người Pháp năm 1736.⁽¹⁾

Tên nôm na biển Đông chứa đầy tình tự dân tộc luôn luôn được nhắc nhở tới nhất là qua ca dao, phong dao và tục ngữ nước nhà.

Xem đó, danh xưng biển Đông đã ăn sâu vào ý thức của dân tộc Việt Nam và được người dân Việt Nam quen dùng để chỉ phần lãnh hải Việt Nam dọc theo duyên hải ở phía đông Việt Nam. Tuy nhiên có một điều khiến một số người thắc mắc là biển ở phía đông Việt Nam đó cũng đã được Trung

Quốc đặt cho danh xưng là Nam Hải mà Âu-Mỹ đặt cho những danh xưng Mer de Chine Méridionale hay South China Sea. Để giải các nghi vấn này, thiết tưởng không gì bằng ta thử tra một số từ điển có uy tín của Trung Quốc cũng như của các nước khác xem họ ghi chép gì về vùng biển này.

Theo từ điển *Từ hải*, “Nam Hải là tên biển, ở về phía nam Phúc Kiến và Quảng Đông, phía tây hải hiệp Đài Loan, phía đông Việt Nam thuộc Pháp. Về phía nam biển đó có bán đảo Malaysia, Bà-La-Châu (tức đảo Bornéo) thuộc địa Anh, Phi Liệt (thay vì Luật) Tân thuộc địa Mỹ, cho nên hải quyền (tức chủ quyền trên mặt biển) là chung cho cả các nước Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ, Nhật”.⁽²⁾

Từ điển *Từ nguyên* định nghĩa Nam Hải đại khái như từ điển *Từ hải* và đặt vị trí Nam Hải ở phía nam Phúc Kiến, nhưng có thêm một chi tiết là phân giới giữa hải hiệp Quỳnh Châu (tức đảo Hải Nam) và vịnh Bắc Bộ (*Du Quỳnh Châu hải hiệp nhi Tây vi Đông Kinh loan chí Khâm huyện chí Minh Giang Khẩu dữ An Nam phân giới*).⁽³⁾

Cũng trong *Từ nguyên*, nhưng là *Từ nguyên cải biên*, bản in năm 1951 và tái bản năm 1984, Nam Hải đã được định nghĩa với mấy chi tiết mới như sau:

Nam Hải: tên biển, xưa lại có tên là Trường Hải (漲海); người ngoại quốc gọi là Nam Trung Quốc Hải, vị trí ở phía nam Phúc Kiến và Quảng Đông, phía tây Đài Loan và Phi Luật Tân, phía đông bán đảo Trung Nam [tức Việt Nam] và bán đảo Malaysia, phía bắc Bà-La-Châu (Bornéo) và đảo Tô-Môn-Đáp-Lạp [Sumatra]. Có điều là thời xưa, biển nước ta [tức Trung Quốc] mệnh danh là Nam Hải, có thời đã bao quát cả Ấn Độ Dương nữa; vậy chẳng nên giới hạn diện tích Nam Hải ở phạm vi như chép ở trên.⁽⁴⁾

Trong định nghĩa vừa trích dẫn, có mấy điều đáng chú ý như sau:

- Nam Hải xưa lại có tên là Trường Hải. Danh xưng Trường Hải dùng để chỉ biển ở cách huyện Hải Phong 50 dặm về phía nam, mà huyện Hải Phong thuộc tỉnh Quảng Đông. Vậy vị trí của Nam Hải là ở về phía nam hai tỉnh Phúc Kiến và Quảng Đông như cũng đã thấy ghi như vậy ở các tài liệu trên.

- Có một điểm mới mẻ so với các bộ từ điển *Từ hải* và *Từ nguyên hợp đính bản* là từ điển *Từ nguyên cải biên bản* đã ghi sự kiện người nước ngoài mệnh danh Nam Hải là Nam Trung Quốc Hải.

- Không rõ căn cứ vào sử liệu nào, *Từ nguyên cải biên bản* đã ghi thêm có thời Nam Hải đã bao quát cả Ấn Độ Dương.

Vì vậy, nhận xét chung về ba tài liệu trích dẫn trên, ta có thể ghi nhận mấy sự kiện sau:

- Cả ba tài liệu đều đặt vị trí Nam Hải ở phía nam hai tỉnh Phúc Kiến và Quảng Đông. Tài liệu thứ nhất là từ điển *Từ hải* (in năm 1948) ám chỉ Nam Hải trải dài đến tận bán đảo Malaysia và chủ trương Trung Quốc cũng có quyền ở Nam Hải như Anh, Pháp, Mỹ, Nhật.

- Tài liệu thứ hai, từ điển *Từ nguyên* (in năm 1949) chỉ ghi phân giới giữa hải hiệp Quỳnh Châu (tức đảo Hải Nam) và vịnh Bắc Bộ của Việt Nam lúc đó thuộc Pháp.

- Tài liệu cuối, tức từ điển *Từ nguyên cải biên bản* (in năm 1951 và 1984) đã lợi dụng danh xưng Mer de Chine (Méridionale) của Pháp và danh xưng South China Sea của Anh, Mỹ để ám chỉ Nam Hải có một diện tích kéo dài về phương nam xa đến tận Ấn Độ Dương, có thời quá cả Ấn Độ Dương! Khi từ điển *Từ nguyên cải biên bản* ghi ngoại nhân xưng Nam Trung Quốc Hải (người nước ngoài gọi là Nam Trung Quốc Hải hay biển Nam Trung Hoa), chắc chắn là các tác giả đã lợi dụng các danh xưng Pháp Mer de Chine (Méridionale) và danh xưng Mỹ, Anh là South China Sea. Cả ba danh xưng này có một điểm chung là thiếu minh xác khiến có thể hiểu là biển của Trung Quốc ở về phía nam.

Sự thật là cả ba danh xưng đó chỉ có thể có nghĩa là biển của Hoa Nam, của nam phần Trung Quốc, như cuốn *Tối tân thực dụng Hán Anh từ điển* đã ghi bằng Anh ngữ là “the Southern Sea, stretching from the Taiwan Straits to Kwangtung”. Nói cho thật đúng, Nam Hải ở chữ Hán xưa, cũng có nghĩa là những nơi xa ở phương nam, nhưng nghĩa này không hề có liên hệ gì với danh xưng Nam Hải (nghĩa số 2 ở trên) của biển Trung Hoa mang tên đó.

Một bằng chứng có giá trị khác nữa là định nghĩa sau đây của danh xưng Nam Hải trong cuốn *Tối tân thực dụng Hán Anh từ điển*, do các học giả Trung Hoa biên soạn, ấn hành ở Hongkong năm 1971, như sau: “Nam Hải : (1) name of a county in Kwangtung Province; (2) the Southern Sea, stretching from the Taiwan Straits to Kwangtung; (3) in old China, a term of faraway places in the South”.⁽⁵⁾

Ngoài cuốn từ điển của Liang Shi Chiu còn bộ từ điển vĩ đại Hán Hòa của T. Morohashi nhan đề *Dai Kan Wa Jiten* (Đại Hán Hòa từ điển), Showa [niên hiệu Chiêu Hòa] năm 32 tức năm 1957, gồm 12 cuốn và một cuốn sách dẫn; cũng thấy ghi ở cuốn II, trang 566, cột 2: Nam Hải là Minami Shina Kai [hay: Nam Chi Na Hải, the South China Sea] và cuốn *Longman Dictionary of English Language and Culture* (London, 1992, tr. 209, cột 2) thấy chép như sau: Nam Hải: Minami Shina Kai (Nam Chi Na Hải - The South China Sea. China Sea: a part of the Pacific Ocean, off the Coast of China.

Báo chí Trung Quốc trong thời gian gần đây đã đưa ra các “bằng chứng” về chủ quyền của họ trên biển Đông như: Thời Tần (từ năm 221 đến năm 207 trước Công nguyên), đã thành lập quận Nam Hải quản lý nhiều đảo tại biển Hoa Nam trong đó bao gồm cả quần đảo Tây Sa; thời Hán (từ năm 206 trước Công nguyên đến năm 220 sau Công nguyên), từng cử các chuyên gia biển tới tuần tra khu vực Tây Sa; thời Lưu Tống (420-479) đã đưa quân đảo Tây Sa vào phạm vi tuần biển của thủy quân Quảng Nam; thời Nguyên (1271-1368), Quách Thủ Kính từng tiến ra biển Hoa Nam đo đạc và trong bản đồ “Quảng Hưng” vẽ ra sau đó đã đánh dấu quần đảo Tây Sa và gọi là khu vực “Thiên Lý Trường Sa”; thời Minh (1368-1644), khi Trịnh Hòa đến Đại Tây Dương đều nghỉ ngơi tại Tây Sa...

Như chúng ta đã biết, nhiều lần các tác giả Trung Hoa đã khẳng định rằng mình đã khám phá ra hai quần đảo tranh chấp từ đời nhà Hán. Tuy nhiên, có tác giả Trung Hoa lại xác định là những tài liệu sớm nhất ghi

chép sinh hoạt của người Trung Hoa trên những đảo này, thuộc đời nhà Tống (thế kỷ XIII).

Trung Quốc đã viện dẫn nhiều đoạn trích từ sách sử địa của mình. Nhưng thực tế cho thấy các đoạn do Trung Quốc đưa ra, chỉ tả hai quần đảo như những gì nằm trong lộ trình đi ngang biển Đông mà thôi. Ngoài ra, các đoạn được viện dẫn trước thế kỷ XIII cũng không nói đến đảo nào, mà chỉ nói đến biển Nam Hải. Những đoạn sách viết từ thế kỷ XIII mới bắt đầu nêu tên đảo, nhưng không có đoạn nào nói tới Xisha (Tây Sa) và Nansha (Nam Sa), và không có một quyển sách nào nói đến chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo này.

Phía Trung Quốc cũng đã đưa ra những tài liệu để chứng minh rằng mình đã khám phá và hành xử chủ quyền trước tiên. Tuy nhiên, những tài liệu này chỉ cho thấy thuyền bè của Trung Quốc thời đó đã lui tới biển Đông, và trong lộ trình, họ tình cờ thấy những đảo mang nhiều tên khác nhau, nhưng không có đảo nào tên là Xisha hay Nansha. Nếu đặt giả thuyết là Trung Quốc đã khám phá ra những đảo này, thì Trung Quốc đã không hành xử chủ quyền trên đó. Sự hiện diện của những người đánh cá không đủ để gọi rằng đó là hành xử chủ quyền của nhà nước. Do đó, những luận cứ và luận chứng chủ quyền lịch sử mà Trung Quốc khẳng định mình có là rất yếu. Phần lớn các tác giả luật gia chuyên về luật quốc tế, trừ những tác giả Trung Hoa, đều công nhận điều này.

Theo ý kiến chúng tôi, giới hạn Nam Hải của Trung Quốc xưa, chỉ đến ngang đảo Hải Nam là cùng như chính danh xưng đảo Hải Nam chỉ rõ như vậy.

Mặt khác, nghiên cứu các bản đồ của các nhà hàng hải phương Tây từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX chúng tôi thấy rằng cương vực của Trung Quốc được thể hiện cũng chỉ tới đảo Hải Nam mà thôi.

Thứ hai, biển Đông hay Đông Hải là một bán nội hải (semi enclosed sea) nằm về phía đông của Việt Nam. Biển Đông được nhân dân Việt Nam gọi theo thói quen như một danh từ riêng.

Cũng có người cho rằng gọi là Nam Hải với ý nghĩ “biển của người (Việt) Nam”. Còn tên gọi biển Nam Trung Hoa gợi ý cho những nhà hàng hải hiểu rằng vị trí nước Trung Quốc nằm ở phía bắc của “Biển Đông” này.

Các nhà hàng hải phương Tây muốn cho tiện nên gọi nó là biển Nam Hoa (South China Sea-người nước ngoài gọi là Nam Trung Quốc Hải).

Theo quy định của Ủy ban quốc tế về biển, tên của các biển rìa thường dựa vào địa danh của lục địa lớn nhất gần nhất hoặc mang tên của một nhà khoa học phát hiện ra chúng. Biển Đông nằm ở phía nam đại lục Trung Hoa nên có tên gọi theo cách thứ nhất.⁽⁶⁾

Tuy nhiên, những biển có tên lục địa nguyên không có nghĩa thuộc quyền sở hữu của quốc gia nó mang tên, như một số người ngộ nhận, mà mọi chủ quyền về biển Đông đều tuân theo Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật

biển năm 1982, song trên các bản đồ quốc tế đều phải ghi đúng như tên gọi quy định.

Về vấn đề theo quy định của Ủy ban quốc tế về biển, chúng ta thấy có mấy nội dung cần phải trao đổi:

- Một là: biển rìa ở khu vực Đông Nam Á là biển Đông chưa bao giờ được người Trung Quốc phát hiện ra. Mà ngược lại, nước Việt Nam chúng ta là một quốc gia ven bờ biển Đông, nên ngay từ xa xưa ông cha ta đã biết khai thác biển để sinh cơ lập nghiệp và bảo vệ tổ quốc, đồng thời giao lưu kinh tế, văn hóa với nước ngoài. Nghề biển là một nghề truyền thống của dân tộc ta đã đi vào truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ. Tục xăm mình mỗi khi xuống biển và thủy chiến là sở trường của Việt Nam từ xưa đến nay.

Biển Đông cũng đã đi vào ca dao tục ngữ và còn truyền miệng cho đến ngày nay. Trên trống đồng Đông Sơn, biểu tượng của nền văn hóa biển vẫn còn đó. Trống đồng Đông Sơn cũng đã có mặt ở hầu hết các nước trong khu vực.

Nói như Nguyễn Trãi trong bài *Bình Ngô đại cáo* “Tát cạn nước biển Đông cũng không rửa sạch tanh hôi” và trong cuốn *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi soạn năm 1435, chép lời của vua Lê Thái Tông: “Hải, Đông Hải dã” có nghĩa là “Biển tức biển Đông vậy”.

Do đó chúng ta phải đấu tranh làm cho thế giới và khu vực thấy rõ việc đòi chủ quyền toàn bộ biển Đông của Trung Quốc là vô lý.

- Hai là: biển rìa thường dựa vào địa danh của lục địa lớn nhất, gần nhất.

Với nội dung này, trong tình hình hiện nay dễ gây ra ngộ nhận vì tên quốc tế của biển Đông là South China Sea làm cho mọi người lầm tưởng khu vực biển Đông thuộc chủ quyền của Trung Quốc, vì vào năm 1983 Trung Quốc cho vẽ lại bản đồ lãnh hải của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã mở rộng khu vực, bao gồm bờ biển Philippines, tây giáp bờ biển Malaysia mà họ gọi đó là “miền Đông Hải” của Trung Quốc. Chúng ta phải làm cho dư luận quốc tế thấy rõ biển Nam Trung Hoa theo quy định quốc tế là không đồng nghĩa với cái gọi là “miền Đông Hải” của Trung Quốc.

- Ba là: quy định của Ủy ban quốc tế về biển của Liên Hiệp Quốc như trên không có nghĩa là các biển rìa không thể không có tên khác.

Đối với biển Đông, có tên là biển Trung Hoa hoặc biển Nam Trung Hoa là do hiểu biết chưa đầy đủ về lịch sử vùng biển này của các nhà hàng hải phương Tây lúc họ đi qua và gọi tên, dẫn đến sau này người ta quen sử dụng chứ không hề có ý nghĩa là vùng biển của Trung Quốc.

Đối với một số biển rìa khác, người ta cũng không nhất thiết phải đặt theo địa danh lục địa lớn nhất, gần nhất như trường hợp biển Nhật Bản theo cách gọi của người Nhật hay biển Đông hoặc biển Korea theo cách gọi của Hàn Quốc mà quốc tế đã bước đầu công nhận.

Ở đây chúng ta phải nhắc lại trường hợp của Philippines, bờ biển phía tây của quần đảo này không lấy tên là South China Sea mà được Philippines đặt tên là biển Luzón (Luzón Sea) vì Philippines phản đối việc tuyên bố chủ

quyền của Trung Quốc trên biển Đông. Quan điểm và lập trường của Philippines trong trường hợp này cho đến nay đã được quốc tế thừa nhận.

- Bốn là: đấu tranh để đổi lại tên gọi “biển Nam Trung Hoa” là một vấn đề cần thiết vì tương lai đấu tranh cho chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chứ không chỉ là đổi tên cho phù hợp với vị trí địa lý hay cách gọi của người Việt Nam.

Một thực tế cần thấy rõ là nếu chúng ta quan niệm theo quy định quốc tế về tên gọi biển mà yên tâm rằng tên gọi “biển Nam Trung Hoa” không hề ảnh hưởng đến chủ quyền của nước ta đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như hiện nay thì thật là tai hại và mơ hồ về âm mưu và thủ đoạn lâu dài của Trung Quốc về cái gọi là “miền Đông Hải”.

Tại sao trong nước ta gọi là biển Đông, còn các văn bản quốc tế và bản đồ tiếng nước ngoài thì gọi là biển Nam Trung Hoa. Chúng ta có thể giải thích rằng đó là tên quốc tế đã quen gọi và đã được thống nhất cách gọi trên các bản đồ quốc tế, chúng ta không thể sửa được. Vậy thì tại sao người Hàn Quốc họ làm được?

Do đó vấn đề đặt ra là một mặt chúng ta phải vận động để cộng đồng quốc tế hiểu rằng **biển Nam Trung Hoa là tên gọi chứ không phải là thuộc chủ quyền của Trung Quốc**. Mặt khác, trong những điều kiện có thể làm được chúng ta nên tiến hành đấu tranh về mặt luật pháp quốc tế ngay từ bây giờ để có thể **đổi tên biển Nam Trung Hoa thành một tên gọi khác hợp lý hơn trong các quan hệ quốc tế**.

Từ việc khảo sát và nghiên cứu vấn đề sử dụng thuật ngữ biển Đông và biển Nam Trung Hoa, chúng tôi thấy rằng căn cứ vào các yếu tố lịch sử, chính trị, văn hóa và quan hệ quốc tế của Việt Nam và của các nước Đông Nam Á hiện nay, tên gọi biển Đông (tên gọi của Việt Nam) và tên gọi biển Nam Trung Hoa (South China Sea - tên gọi quốc tế) có thể được thay đổi theo ba phương án sau đây:

1. Thống nhất tên gọi quốc tế của biển Đông là biển Việt Nam (Vietnam Sea) trên các văn bản, văn kiện và bản đồ quốc tế hiện nay bởi lý do sau đây: căn cứ vào Luật biển quốc tế năm 1982, lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam chiếm gần 1.000.000km²/ 3.500.000km² của biển Đông.

2. Thay đổi tên gọi quốc tế của biển Đông hiện nay là South China Sea thành tên gọi chính thức biển Đông Nam Á (Southeast Asia Sea).

3. Thống nhất tên gọi quốc tế của biển Đông là biển Đông (East Sea).

Phương án thứ nhất giống như trường hợp hiện nay của Hàn Quốc đang đấu tranh kêu gọi các tổ chức quốc tế thay thuật ngữ “biển Nhật Bản” thành “biển Đông” hoặc “biển Korea” thuộc chủ quyền của Hàn Quốc. Sau 5 năm đấu tranh, hiện nay Hàn Quốc đã thu được những kết quả đáng kể, ví dụ như website của Tổng thống Pháp Jacques Chirac đã thay thuật ngữ “biển Nhật Bản” (mer du Japon) thành thuật ngữ “biển Đông” (mer d’Orient). Nhà xuất bản sách giáo khoa BJU Press nổi tiếng và Tạp chí Địa lý quốc gia

của Hoa Kỳ cũng đã thống nhất gọi biển Nhật Bản thành biển Đông hoặc Korea Sea.

Phương án thứ ba nếu gọi là biển Đông (East Sea) thì sẽ ngộ nhận với tên gọi “biển Đông Trung Hoa” thuộc Trung Quốc hoặc biển Đông của Hàn Quốc.

Phương án thứ hai là phù hợp đối với nguyện vọng và quyền lợi của tất cả các nước Đông Nam Á khi mà tất cả các nước Đông Nam Á đã trở thành thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và để tiếp tục đấu tranh với Trung Quốc trong cái gọi là “miền Đông Hải” của Trung Quốc.

Trong ba phương án trên, chúng tôi thấy rằng **phương án thứ hai** là khả thi và có khả năng thuyết phục các nước ASEAN thống nhất với phương án này.

B. *“Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật Bản đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc, chiếm đóng phần lớn khu vực của Trung Quốc, trong đó kể cả quần đảo Nam Sa. “Tuyên bố Cairo” và “Thông cáo Potsdam” cùng các văn kiện quốc tế khác đã quy định rõ việc trao trả lại lãnh thổ cho Trung Quốc từng bị Nhật cướp đoạt năm xưa, dĩ nhiên trong đó kể cả quần đảo Nam Sa. Tháng 12 năm 1956, chính phủ Trung Quốc lúc bấy giờ đã chỉ định quan chức cấp cao tiếp quản quần đảo Nam Sa, đồng thời đã tổ chức lễ bàn giao trên đảo, cắm mốc kỷ niệm và cử quân đội đến đóng tại quần đảo Nam Sa. Năm 1952, chính phủ Nhật Bản chính thức bày tỏ “từ bỏ tất cả mọi quyền lợi, danh nghĩa và yêu sách về quyền lợi đối với Đài Loan, các hòn đảo Bành Hồ và quần đảo Nam Sa”, từ đó quần đảo Nam Sa đã chính thức trở về với Trung Quốc”.*

Có thể khẳng định ngay những luận cứ và luận chứng trên của Trung Quốc là không chính xác

Như chúng ta đã biết, năm 1945 Nhật Bản đã bị các nước Đồng minh đánh bại trong cuộc chiến tranh Thái Bình Dương nên phải đầu hàng. Một trong những việc nước này phải làm khi đầu hàng là từ bỏ các đất đai ở ngoại quốc mà Nhật Bản đã chiếm được trong thời kỳ toàn thịnh của chế độ quân phiệt, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Lần đầu tiên Trung Quốc chính thức lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo này là trong một cuộc họp báo ở Manila ngày 17/5/1949, Tổng thống Philippines Quirino đã tuyên bố là vì quần đảo Trường Sa ở kề cận quần đảo Philippines nên nó phải thuộc về Philippines. Hai ngày sau, ngày 19 tháng 5, Bắc Kinh đã có phản ứng. Chính phủ Trung Quốc tuyên bố như sau:

“Lời tuyên truyền vô lý của chính phủ Philippines đối với lãnh thổ của Trung Quốc rõ ràng là sản phẩm chỉ thị của chính phủ Hoa Kỳ. Bọn khiêu khích Philippines và những kẻ Hoa Kỳ ủng hộ chúng phải bỏ ngay mưu đồ mạo hiểm đó đi, nếu không thì hành động này có thể đưa tới những hậu quả nghiêm trọng. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không bao giờ để cho bất cứ một ngoại bang nào xâm lược quần đảo Nam Sa hay bất cứ đất đai nào khác thuộc về Trung Quốc”.⁽⁷⁾

Tuy nhiên Trung Quốc chỉ nói chứ không đưa ra được một bằng chứng nào, dù là lịch sử hay pháp lý, cho thấy Trường Sa thuộc quyền Trung Quốc làm chủ.

Đầu tháng 9 năm 1951, theo lời mời của chính phủ Hoa Kỳ, 51 quốc gia trước kia đã từng tham gia hay có liên hệ tới cuộc chiến chống xâm lược Nhật Bản từ năm 1939 đến năm 1945 đã tham dự Hội nghị Hòa bình nhóm họp ở thành phố San Francisco (Hoa Kỳ) để thảo luận vấn đề chấm dứt tình trạng chiến tranh và tái lập bang giao với Nhật Bản. Điểm đáng chú ý là cả Trung Quốc và Đài Loan đều không được mời tham dự hội nghị. Trong hội nghị, vấn đề chính là thảo luận bản dự thảo hòa ước do hai nước Anh và Hoa Kỳ đề nghị ngày 12/7/1951. Ngày 8/9/1951, ngoại trừ Liên Xô, Ba Lan và Tiệp Khắc, các nước tham dự hội nghị đã ký hòa ước với Nhật Bản.⁽⁸⁾

Vì thấy mình bị Hoa Kỳ gạt ra ngoài hội nghị, các nhà lãnh đạo Trung Quốc ngay từ cuối năm 1950 đã có phản ứng. Một mặt họ ra một số tuyên bố chính thức, mặt khác họ cho đăng các bài báo để lên án việc không mời Trung Quốc tham dự hội nghị và để trình bày quan điểm của Trung Quốc về một số vấn đề cần phải được thảo luận, trong đó có vấn đề chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 4/12/1950 Chu Ân Lai, lúc đó là Bộ trưởng Ngoại giao, trong bản tuyên bố đầu tiên của nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đã nêu ra căn bản chính để ký một hòa ước với Nhật Bản:

“Bản Tuyên cáo Cairo, Thỏa ước Yalta, bản Tuyên ngôn Potsdam và các chính sách căn bản đối với Nhật Bản sau khi nước này đầu hàng đã được các quốc gia trong Ủy hội Viễn Đông thỏa thuận và thông qua ngày 19/6/1947 các văn kiện quốc tế mà chính phủ Hoa Kỳ đã ký kết là căn bản chính cho một hòa ước liên hợp với Nhật Bản”.⁽⁹⁾

Chu Ân Lai còn nói thêm:

“Nhân dân Trung Quốc rất ước muốn sớm có một hòa ước liên hợp với Nhật Bản cùng với các quốc gia đồng minh khác trong thời kỳ thế chiến thứ hai. Tuy nhiên căn bản của hòa ước phải hoàn toàn thích hợp với bản Tuyên cáo Cairo, Thỏa ước Yalta, bản Tuyên ngôn Potsdam và các chính sách căn bản đối với Nhật Bản sau khi nước này đầu hàng được quy định trong các văn kiện này”.⁽¹⁰⁾

Tuy bản tuyên bố trên của Trung Quốc không đề cập đến vấn đề chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa mà chỉ đề cập tới các vấn đề khác, nhưng vì nó đã nêu ra quan điểm chính yếu của Trung Quốc nên chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ nó cùng với bản tuyên bố ngày 15/8/1951 là tuyên bố chính thức của Trung Quốc về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa để tìm hiểu giá trị các luận cứ của Trung Quốc.

Thực vậy, khi nghiên cứu dự thảo hòa ước San Francisco của Anh-Mỹ gửi cho các quốc gia được mời tham dự hội nghị, chính phủ Trung Quốc thấy điều 2 của bản dự thảo này không quy định là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Nhật Bản từ bỏ phải được trao cho quốc gia nào. Vì thế ngày

15/8/1951, sau khi đề cập tới quan điểm của Trung Quốc về từng vấn đề một được nêu trong bản dự thảo,⁽¹¹⁾ Chu Ân Lai đã tuyên bố:

“...Dự thảo hiệp ước quy định là Nhật Bản sẽ từ bỏ mọi quyền đối với đảo Nam Uy (đảo Spratly-Trường Sa) và quần đảo Tây Sa (quần đảo Paracel-Hoàng Sa), nhưng lại cố ý không đề cập tới vấn đề tái lập chủ quyền trên hai quần đảo này. Thực ra, cũng như các quần đảo Nam Sa, quần đảo Trung Sa và quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa và đảo Nam Uy lúc nào cũng là lãnh thổ của Trung Quốc. Dù các đảo này đã có lúc bị Nhật Bản chiếm đóng trong một thời gian trong trận chiến tranh xâm lăng do đế quốc Nhật Bản gây ra, sau khi Nhật Bản đầu hàng, chính phủ Trung Hoa đã thu hồi những đảo này.

“Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa do đó tuyên bố: dù dự thảo hiệp ước Anh-Mỹ có chứa đựng các điều khoản về vấn đề này hay không và dù các điều khoản này có được soạn thảo như thế nào, chủ quyền bất khả xâm phạm của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trên đảo Nam Uy và quần đảo Tây Sa sẽ không vì thế mà bị ảnh hưởng”.⁽¹²⁾

Chu Ân Lai sau đó kết luận vấn đề này bằng cách phủ nhận giá trị bất cứ một thỏa ước nào ký với Nhật Bản mà không có sự tham dự của Trung Quốc:

“Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa một lần nữa tuyên bố: Nếu không có sự tham dự của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong việc chuẩn bị, soạn thảo và ký hòa ước với Nhật Bản dù nội dung và kết quả một hiệp ước như vậy có như thế nào, chính phủ Nhân dân Trung ương cũng coi hòa ước ấy hoàn toàn bất hợp pháp, và vì vậy sẽ vô hiệu”.⁽¹³⁾

Tuy rằng lời kết luận này nhằm toàn thể hòa ước với Nhật Bản, nó cũng bao trùm luôn cả vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Trong bản tuyên bố này chúng ta nhận thấy có những điểm đáng chú ý như sau:

- Thứ nhất, tuy tuyên bố là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lúc nào cũng là lãnh thổ của Trung Quốc, Chu Ân Lai lại không nêu ra một chi tiết nào để chứng minh chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo này.

Sự không dẫn chứng của Chu Ân Lai đối với vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa phải chăng vì Trung Quốc biết không có một căn cứ nào vững vàng, về pháp lý cũng như về lịch sử, để chứng minh chủ quyền này nên Trung Quốc phải bỏ không dẫn chứng có.

- Thứ hai, bản tuyên bố này, cũng như các bản tuyên bố khác sau này của Trung Quốc, và cả của Đài Loan, đã đề cập tới việc chính phủ Trung Hoa thu hồi Hoàng Sa và Trường Sa sau khi Nhật Bản đầu hàng vào tháng 8 năm 1945.

Chúng ta biết rằng năm 1938, trước khi xảy ra chiến tranh thế giới thứ 2, Nhật Bản đã chiếm đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa, nói là để khai thác thương mại nhưng thực ra chính là để lập căn cứ chiến lược làm

bàn đạp tấn công vùng Đông Nam Á. Theo R. Serene thì “Năm 1938, Nhật Bản mượn cơ khai thác thương mại đã chiếm đảo Phú Lâm để bành trướng sự kiểm soát tới các đảo Cam Tuyền và Linh Côn...”.⁽¹⁴⁾ Rồi đến ngày 31/3/1939, Bộ Ngoại giao Nhật Bản ra một thông cáo loan tin là ngày hôm trước (30/3/1939), Nhật Bản đã quyết định đặt quần đảo Trường Sa dưới quyền kiểm soát của Nhật Bản vì lý do tại đây đã thiếu một chính quyền hành chính địa phương nên đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Nhật Bản.⁽¹⁵⁾ Trong suốt thời gian của chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã đóng quân trên hai quần đảo này cho tới khi đầu hàng quân đội Đồng minh.

Vào cuối năm 1943, trong lúc chiến tranh đang ở mức độ ác liệt nhất thì các nhà lãnh đạo cấp cao của Hoa Kỳ, Anh và Trung Hoa Dân quốc đã bí mật gặp nhau tại Cairo, thủ đô nước Ai Cập, từ 23 đến 27/11/1943⁽¹⁶⁾ để thảo luận các chiến lược tiêu diệt phe Trục (Đức-Ý-Nhật). Ngày 26/11/1943, Tổng thống Hoa Kỳ Franklin D. Roosevelt, Thủ tướng Anh Winston Churchill và Tổng thống Trung Hoa Dân quốc Tưởng Giới Thạch đã ký một bản tuyên cáo chung (thường được gọi là *Tuyên cáo Cairo*) trong đó có một đoạn như sau:

“Đối tượng của các nước này (tức là của ba nước Đồng minh) là phải tước bỏ quyền của Nhật Bản trên tất cả các đảo ở Thái Bình Dương mà nước này đã cưỡng đoạt hay chiếm đóng từ khi có chiến tranh thế giới thứ nhất năm 1914 và tất cả các lãnh thổ Nhật Bản đã cướp của người Trung Hoa, như là Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ, phải được hoàn trả cho Trung Hoa Dân quốc. Nhật Bản cũng sẽ phải bị trục xuất khỏi các lãnh thổ khác đã chiếm được bằng vũ lực và lòng tham.”⁽¹⁷⁾

Đọc đoạn trích dẫn trên chúng ta thấy *Tuyên cáo Cairo* có hai quy định quan trọng. Thứ nhất, chỉ có các đất Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ được hoàn trả cho Trung Quốc thôi. Thứ hai, còn các lãnh thổ khác mà Nhật Bản chiếm được thì bản tuyên cáo này chỉ quy định việc trục xuất Nhật Bản, chứ không hề nói tới việc hoàn trả chúng cho Trung Quốc. Chỉ có điều đáng tiếc, và đó cũng là nguyên nhân gây ra những vụ tranh chấp về chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sau này, là *Tuyên cáo Cairo* đã không nói các lãnh thổ khác ấy phải được hoàn trả cho nước nào.

Quyết định của Tam cường tại hội nghị Cairo được tái xác nhận trong một hội nghị thượng đỉnh Tam cường khác nhóm tại Potsdam từ 17/7 đến 2/8/1945 để ấn định các điều kiện cho Nhật Bản đầu hàng. Tổng thống Hoa Kỳ, Thủ tướng Anh⁽¹⁸⁾ và Tổng thống Trung Hoa Dân quốc đã ra một tuyên ngôn (thường gọi là *Tuyên ngôn Potsdam*) ngày 26/7/1945 trong đó có ghi là “Các điều khoản của bản *Tuyên cáo Cairo* sẽ được thi hành”.⁽¹⁹⁾

Tại hội nghị Potsdam này các nhà lãnh đạo Tam cường đã quyết định chia Đông Dương làm hai khu vực để cho tiện việc giải giới quân đội Nhật Bản đóng tại đây. Vĩ tuyến thứ 16 được chọn làm ranh giới: việc giải giới ở khu vực bắc vĩ tuyến ủy thác cho quân đội Trung Hoa (quân Tưởng Giới Thạch) và ở khu vực phía nam do liên quân Anh-Án đảm nhận.⁽²⁰⁾ Vì quần đảo Hoàng Sa nằm ở giữa hai vĩ tuyến thứ 15 và 17 nên việc giải giới quân đội Nhật trú đóng ở đây thuộc thẩm quyền của quân Tưởng. Trái lại, việc

giải giới ở quần đảo Trường Sa phải do liên quân Anh-Ấn đảm nhận do lẽ quần đảo này nằm giữa hai vĩ tuyến thứ 8 và 12.

Nhật Bản khi đầu hàng đã chịu điều kiện quy định trong bản *Tuyên cáo Cairo* và ghi nhận trong văn kiện đầu hàng ngày 2/9/1945.⁽²¹⁾ Đồng thời, khi ra lệnh cho quân đội Nhật Bản ở nước ngoài đầu hàng và nộp vũ khí cho quân đội Đồng minh, Nhật hoàng Hirohito đã ban hành Tổng mệnh lệnh số 1, trong đó điều I khoản (a) quy định là:

“Các tư lệnh Nhật Bản và tất cả lực, hải quân cùng các lực lượng phụ thuộc ở trên đất Trung Hoa (ngoại trừ Mãn Châu), Đài Loan và Đông Pháp ở 16 độ bắc vĩ tuyến đầu hàng Đại nguyên soái Tưởng Giới Thạch.”⁽²²⁾

Bản *Tuyên cáo Cairo* và *Tuyên ngôn Potsdam* hoàn toàn không đề cập tới vấn đề hoàn trả cho Trung Quốc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Nhật Bản đã xâm lược vào đầu chiến tranh thế giới thứ hai. Sự thiếu sót này có phải là do các nhà lãnh đạo Đồng minh sơ ý hay quên không? Lẽ dĩ nhiên là không. Trái lại, chúng ta phải giải thích là các nhà lãnh đạo Tam cường đã không quan niệm hai quần đảo này là phần lãnh thổ của Trung Quốc. Điểm đặc biệt đáng chú ý hơn nữa là chính Tổng thống Trung Hoa Dân quốc, Đại nguyên soái Tưởng Giới Thạch, đã tham dự cả hai hội nghị và đã ký vào cả *Tuyên cáo Cairo* lẫn *Tuyên ngôn Potsdam*, chứ không phải một người đại diện nào khác để nói là có thể đã không thi hành đúng chỉ thị của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc. Nếu hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thực sự thuộc chủ quyền của Trung Quốc thì không có lý gì họ Tưởng chỉ đòi hoàn trả có Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ thôi mà lại không đòi luôn Hoàng Sa và Trường Sa. Hơn nữa, trong bản văn của *Tuyên cáo Cairo* và *Tuyên ngôn Potsdam* chúng ta cũng không thấy từ “vân vân” để có thể nói là vấn đề đã được bao hàm trong hai văn kiện này.

Mười hai năm sau khi tham dự hội nghị Cairo và ký bản *Tuyên cáo*, ngày 8/2/1955 Tưởng Giới Thạch vẫn còn nhắc lại là:

“Trong thông cáo công bố vào lúc bế mạc hội nghị, chúng tôi đã tuyên bố là tất cả các lãnh thổ do Nhật Bản ‘cướp’ của Trung Hoa, kể cả Đông Tam Tỉnh, Đài Loan và Bành Hồ phải được hoàn trả lại cho Trung Hoa Dân quốc. Lời tuyên bố này đã được bản Tuyên ngôn Potsdam công nhận và Nhật Bản chấp nhận khi nước này đầu hàng.”⁽²³⁾

Một lần nữa, Tưởng Giới Thạch hoàn toàn không nói gì đến việc phải hoàn trả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc. Vào lúc Tưởng Giới Thạch nói lời trên ông không phải là không biết có sự tranh chấp về chủ quyền đối với hai quần đảo này mà cả chính phủ của ông lẫn chính phủ của Mao Trạch Đông đang đòi.

Như chúng ta được biết, cả *Tuyên cáo Cairo* lẫn *Tuyên ngôn Potsdam* chỉ cho phép Trung Hoa Dân quốc giải giới quân đội Nhật Bản ở quần đảo Hoàng Sa thôi, chứ không hề cho phép Trung Hoa Dân quốc thu hồi quần đảo này cùng là giải giới quân đội Nhật Bản ở quần đảo Trường Sa hay thu hồi quần đảo đó. Vì thế việc chiếm đóng và thu hồi hai quần đảo này của

Trung Hoa Dân quốc là **bất hợp pháp** và **vi phạm trầm trọng luật quốc tế** vì đi trái với quyết định của *Tuyên cáo Cairo* và *Tuyên ngôn Potsdam*.

Vì các lý do vừa kể trên, chúng ta phải nhìn nhận rằng lời tuyên bố ngày 15/8/1951 của Chu Ân Lai đã mâu thuẫn với lời tuyên bố ngày 4/12/1950 cũng của họ Chu. Một bên Trung Quốc đòi các quốc gia phải tuân theo hai văn kiện quốc tế này và các chính sách căn bản đối với Nhật Bản sau khi nước này đầu hàng, trong đó việc chia đôi Đông Dương để giải giới quân đội Nhật Bản đóng tại đây cũng là một chính sách căn bản, một bên lại cho việc tiếp thu hai quần đảo không hề được quy định trong hai văn kiện quốc tế là một hành vi hợp pháp.

Thực vậy, điều 2 của hòa ước San Francisco sau khi đã nói về việc Nhật từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi đối với tất cả các lãnh thổ nào không phải là lãnh thổ chính của Nhật Bản mà nước này đã chiếm được từ khi có chiến tranh thế giới thứ nhất cho đến khi chấm dứt chiến tranh thế giới thứ hai đã quy định thêm trong đoạn (f) như sau:

“Nhật Bản khước từ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi trên quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa”.

Các quy định trong điều 2 như vậy đã theo đúng với quyết định của hội nghị Cairo năm 1943 được diễn tả trong bản *Tuyên cáo Cairo* mà Trung Quốc vẫn luôn đòi phải được coi là căn bản chính cho một hòa ước ký với Nhật Bản đã nói ở bên trên. Nói cách khác, chính Trung Quốc đã coi quyết định của các đại cường là hợp lý, hợp tình và hợp pháp.

Về quan điểm của Trung Quốc đối với vấn đề giá trị của hai văn kiện quốc tế quan trọng này, chúng ta đã thấy: (a) khi cuộc tranh luận tại Liên Hiệp Quốc về địa vị của đảo Đài Loan đang tiến hành, ngày 24/8/1950 Trung Quốc đã gửi một bức công điện cho tổ chức quốc tế này trong đó có đề cập tới *Tuyên cáo Cairo* và *Tuyên ngôn Potsdam* mà các quốc gia ký kết phải tôn trọng và tuân hành;⁽²⁴⁾ (b) hoặc như qua lời tuyên bố ngày 4/12/1950 của Chu Ân Lai nói trên; (c) cũng như trong lời tuyên bố ngày 15/8/1951 của Chu Ân Lai như sau:

“Dù xét về thủ tục mà hòa ước được chuẩn bị hay về nội dung, ta thấy dự thảo hòa ước Anh-Mỹ trắng trợn vi phạm các thỏa ước quốc tế quan trọng, mà Anh-Mỹ đều là phe kết ước, như là ... bản Tuyên cáo Cairo, ... bản Tuyên ngôn Potsdam...”

Vi phạm sự thỏa thuận theo bản Tuyên cáo Cairo và bản Tuyên ngôn Potsdam, dự thảo hòa ước chỉ quy định là Nhật Bản sẽ khước từ các quyền đối với Đài Loan và Bành Hồ”.⁽²⁵⁾

Hòa ước San Francisco là một văn kiện quốc tế nhằm thi hành những quyết định của hội nghị Cairo 1943, nó cũng phải có hiệu lực như bản *Tuyên cáo Cairo*.

Hơn một tháng sau khi lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào ngày 15/8/1951 nói trên, khi bình luận về việc ký hòa ước San Francisco, trong một thông cáo của Bộ Ngoại giao

Trung Quốc ngày 18/9/1951, Chu Ân Lai không hề nói gì về vấn đề hai quần đảo này cả mà chỉ lặp lại lập trường cũ, phủ nhận giá trị và hiệu lực của hòa ước vì đã được ký kết mà không có sự tham dự của Trung Quốc.⁽²⁶⁾

Sự im lặng này càng khó hiểu hơn nữa khi chắc chắn là Trung Quốc phải biết rằng hội nghị San Francisco đã bác bỏ đề nghị của phái đoàn Liên Xô đòi trao trả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc và về phản ứng của phái đoàn quốc gia Việt Nam.⁽²⁷⁾

Thực vậy, ngày 5/9/1951, trong phiên họp khoáng đại hội nghị thứ 2 của hội nghị San Francisco, đại biểu Liên Xô Andrei A. Gromyko sau khi chỉ trích tính cách bất hợp pháp và sự vô nghĩa của bản dự thảo hòa ước của Anh-Mỹ để ký với Nhật Bản, đã đưa ra một đề nghị 7 điểm gọi là để hướng dẫn việc ký kết hòa ước thực sự với Nhật Bản. Điểm 6 đề nghị trao trả hai quần đảo này cho Trung Quốc. Nhưng hội nghị đã bác bỏ yêu cầu này với 48 phiếu chống.

Hai ngày sau, 7/9/1951 Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu, trưởng phái đoàn quốc gia Việt Nam, đã lên tiếng tái xác định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trước 51 phái đoàn ngoại giao như sau:

“Et comme il faut franchement profiter de toutes occasion pour étouffer les germes de discorde, nous afirmons nos droits sur les iles Spratley et Paracels qui, de tout temps, ont fait partie du Viet Nam”.⁽²⁸⁾

(Tạm dịch: “Cần nói thật rằng phải lợi dụng tất cả mọi trường hợp để chặn đứng những mầm móng xung đột, **chúng tôi xác nhận chủ quyền của chúng tôi trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, đã luôn luôn từ xưa thuộc lãnh thổ Việt Nam**”)

Lời tuyên bố đó đã được hội nghị San Francisco long trọng ghi vào biên bản và trong tất cả 51 phái đoàn, không có một phái đoàn nào phản đối.

Sự im lặng lại càng trở nên khó hiểu hơn nữa khi trong bản tuyên bố ngày 5/5/1952⁽²⁹⁾ về hòa ước mà Trung Hoa Dân quốc đã ký với Nhật Bản ngày 28/4/1952, Chu Ân Lai không nói gì đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mặc dù hai quần đảo này đã được đề cập tới trong điều 2 của hòa ước như sau:

“Điều 2. Hai bên nhìn nhận là theo điều 2 hòa ước với Nhật Bản ký ngày 8 tháng 9 năm 1951 tại San Francisco ở Hoa Kỳ, Nhật Bản đã khước từ mọi quyền, danh nghĩa hay đòi hỏi liên quan đến Đài Loan (Formosa) và Bành Hồ (the Pescadores), cũng như quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa”.⁽³⁰⁾

Theo điều khoản này, Nhật Bản chỉ nhắc lại việc khước từ chứ không nói rõ là Nhật Bản hoàn trả hai quần đảo này cho Trung Hoa Dân quốc.⁽³¹⁾ Chính vì vậy trên trang mạng *Japan Focus* ngày 21/3/2009 đăng nghiên cứu của Kimie Hara cho rằng các vụ tranh chấp trên Thái Bình Dương từ Đông Bắc xuống Đông Nam Á, gồm cả vùng Trường Sa, là di sản của hiệp ước San Francisco năm 1951. Bài viết nói các cường quốc sau thế chiến thứ hai đã

không ghi rõ chi tiết chủ quyền nhiều đảo và quần đảo qua việc đặt tuyến phân ranh giới Acheson Line. Sau đó, tác động của việc hoạch định lần ranh bao vây nước Trung Hoa và Bắc Triều Tiên lại tạo thêm sự phức tạp cho vấn đề. Tác giả cho rằng nay, để giải quyết các vấn đề, mọi bên đều cần có sự nhượng bộ và giải pháp đa phương, gồm cả Nhật Bản, nước thua trận trong thế chiến thứ hai.

Tất cả các vấn đề trên là quá rõ ràng, những luận cứ và luận chứng mà chính phủ Trung Quốc đưa ra trong vấn đề hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa của Việt Nam chỉ có thể lừa được một số người chứ không thể phủ nhận được các văn kiện của bản *Tuyên cáo Cairo, Thỏa ước Yalta, bản Tuyên ngôn Potsdam, Hòa ước San Francisco* và sự thật lịch sử.

Ñ K P

CHÚ THÍCH

- (1) *Le Royaume du Tonkin - Ce Royaume est situé entre La Chine, l'Océan Oriental, la Cochinchine et le Pegu*. Langlet Du Freynoy (l'Abbé Nicolas, 1674-1755). Méthode pour étudier la Géographie, tr. 115, tập IV, 1736.
- (2) *Từ hải hợp đính bản*, bản in lại năm 37 Trung Hoa Dân quốc, tức năm 1948, Tý Tập, tr. 218.
- (3) *Từ nguyên*, bản in năm 38 Trung Hoa Dân quốc, tức năm 1949, Tý Tập, trang 234.
- (4) *Từ nguyên cải biên bản*, Hongkong, 1984, Tý Tập, trang 94.
- (5) *A New Practical Chinese English Dictionary*. Editor in Chief: Liang Shi Chiu; Editors: Chu Liang Chen, David Shao, Jeffreg C. Tung, Chung Lu Shen. The Far East Book Co LDT, Hongkong, 1971, tr. 121, cột 2.
- (6) Xem website Đảng Cộng sản Việt Nam, phần Biển đảo Việt Nam.
- (7) Đề cập tới trong bài "Notes on the Nanwei and Sisha Islands" đăng trong *People's China*, Bắc Kinh, tập IV, số 5, phụ trương ngày 1/9/1951, tr. 7.
- (8) Toàn văn bản hòa ước San Francisco đăng trong: (a) *United Nations Treaty Series*, tập 136, tr. 46 và tiếp theo, và (b) *American Foreign Policy, 1950-1955: Basic Documents* do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ xuất bản năm 1957, ấn bản số 5446, tr. 425-439.
- (9) "Chou En Lai's Statement on the Peace Treaty with Japan" đăng trong *People's China*, tập II, số 12, phụ trương ngày 16/12/1950, tr. 17.
- (10) Chou En Lai's Statement, tr. 19.
- (11) Bản Anh ngữ nhan đề "Foreign Minister Chou En lai's Statement on the U.S. British Draft Peace Treaty with Japan" đăng trong (a) *People's China*, tập IV, số 5, phụ trương ngày 1/9/1951, tr. 36; hay (b) *Bản tin Tân Hoa xã* số 777, Bắc Kinh ngày 16/8/1951, tr. 75-78.
- (12), (13) Foreign Minister, tr. 4, tr.6.
- (14) R. Serene. Petite Histoire des Paracels, đăng trong *Sud Est Asiatique*, Bruxelles, số 19, tháng 1/1951, tr. 38.
- (15) Xem: (a) B.B. "Les Iles Spratlys" đăng trong *L'Asie Francaise*, Paris, tập 39, số 269, tháng 4/1939, tr. 123; (b) Charles Rousseau. "Chine, France, Japon, Philippines et Vietnam Différend Concernant l'Appartenance des Iles Spratlys et Paracels" đăng trong *Revue Generale De Droit International Public*, Paris, năm thứ 76, tập 76, số 3, tháng 7- 9/1972, tr. 828.
- (16) Chi tiết về hội nghị này và hội nghị Tehran được in trong tập *The Foreign Relations Of The United States Diplomatic Papers: The Conferences at Cairo and Tehran, 1943*, (viết tắt: FRUS Cairo Tehran), Government Printing Office, Washington D.C., 1961.

- (17) Frus Cairo Tehran, tr. 448-449.
- (18) Mới đầu là Winston Churchill, sau là Clement Attlee khi Đảng Bảo thủ Anh thất cử.
- (19) *Documents on American Foreign Relations*, do Raymond Dennett và Robert K. Turner biên tập và Prince University Press xuất bản năm 1948, tập VIII: 1/7/1945-31/12/1946.
- (20) Jean R. Sainteny. *Histoire d'Une Paix Manquée: Indochine 1945 1947*, Amiot Dumont, Paris, 1953, tr. 50.
- (21) Xem United States Statutes at Large, trong *Executive Agreement Series*, số 493, tập 59, phần II, Government Printing Office, Washington D.C., 1945, tr. 1734-1735.
- (22) Herbert Feis thuật lại trong sách *Japan Subdued: The Atomic Bomb and the end of the war in the Pacific*, Princeton University Press, Princeton, New Jersey, 1961, tr. 139.
- (23) Xem bài "Review of International Situation" đăng trong *President Chiang Kai Shek's selected speeches and messages in 1955*, do China Publishing Co. xuất bản tại Đài Bắc năm 1956, tr. 22. Đồng Tam Tỉnh nói ở đây là danh xưng người Trung Hoa vẫn dùng để gọi Mãn Châu.
- (24) *Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đối ngoại quan hệ văn kiện tập*, Bắc Kinh, tập I, tr. 134.
- (25) *Đối ngoại*, sdd, tập II, tr. 30 và 36.
- (26) *Nhân dân nhật báo*, Bắc Kinh, ngày 8/2/1955, tr. 4.
- (27) Toàn bản văn nhan đề "Foreign Minister Chou En Lai's Statement on San Francisco Peace Treaty" đăng trong *People's China*, tập IV, số 7, ngày 1/10/1951, tr. 39.
- (28) Tài liệu của Ban Biên giới chính phủ.
- (29), (30) Toàn bản văn đăng trong *People's China*, tập V, số 10, ngày 16/5/1952, tr. 4.
- (31) Toàn bản văn hòa ước giữa Trung Hoa Dân quốc và Nhật Bản đăng trong *Treaties and Agreement, between the Republic of China and other powers*, do Chen Yin Ching biên soạn, Sino American Publishing Service xuất bản tại Washington D.C., 1957, tr. 454-456.

TÓM TẮT

Từ việc phân tích lịch sử các tên gọi biển Đông, Nam Hải, South China Sea, tác giả cho rằng ngay từ bây giờ, chúng ta cần phải tiến hành đấu tranh về mặt luật pháp quốc tế để có thể đổi tên gọi quốc tế South China Sea thành một tên gọi khác hợp lý hơn trong việc xác định chủ quyền của các quốc gia trên vùng biển Đông.

Những luận cứ và luận chứng mà chính phủ Trung Quốc đưa ra để tranh chấp chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa của Việt Nam chỉ có thể lừa được một số người chứ không thể phủ nhận được các văn kiện của bản *Tuyên cáo Cairo*, *Thỏa ước Yalta*, bản *Tuyên ngôn Potsdam* mà quan trọng hơn hết là *Hiệp ước hòa bình San Francisco* năm 1951 và sự thật lịch sử.

ABSTRACT

VIETNAMESE SOVEREIGNTY OF EAST SEA AND ARCHIPELAGOES PARACELS AND SPRATLYS

From an analysis on the various names of the sea lying to the east of Vietnam, *biển Đông* [the East Sea], *Nam Hải* [the South Sea], or South China Sea, the author reasons that from right now, we should struggle in terms of international laws to change the name already accepted by the world, the South China Sea, to a more reasonable name that helps protect the sovereignty of different nations located on the East Sea.

The arguments and evidences the Chinese government put forward to prove their sovereignty over the two archipelagoes, the Paracels and the Spratlys, can only deceive a number of people. These are in no position to negate *Cairo Proclamation*, *The Yalta Agreement*, *The Potsdam Declaration*, and above all the important *San Francisco Peace Treaty* signed in 1951, and all the other historical facts.